

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn khoa học kiểm định và xây dựng Việt Nam và Biên bản đánh giá ngày 17 tháng 6 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn khoa học kiểm định và xây dựng Việt Nam

Địa chỉ: Số 87 Ngõ 337 Đường Phạm Văn Đồng – P. Xuân Đình – Q. Bắc Từ Liêm – Tp, Hà Nội.

Mã số thuế: 0105262676

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa kỹ thuật.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Khu Nhà ở Trung Văn – P. Trung Văn – Q. Nam Từ Liêm – TP. Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

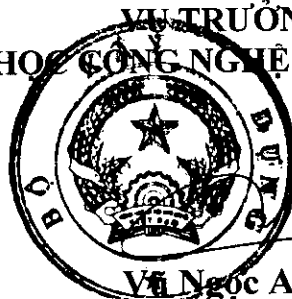
2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1106

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định: số 29/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần tư vấn khoa học kiểm định và xây dựng Việt Nam;
- Sở XD Tp. Hà Nội;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCB&MT

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1106**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số:
760 /GCN-BXD, ngày 24 tháng 6 năm 2019)

TT	TÊN PHÉP THỬ	CƠ SỞ PHÁP LÝ
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Phương pháp xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN4030:2003
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3.	PP độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết -và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:1993
5.	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
6.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
7.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
8.	Xác định khối lượng thể tích bê tông nặng	TCVN 3115:1993
9.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3113:1993
10.	Phương pháp xác định giới hạn bền khi nén.	TCVN 3118:1993
11.	Phương pháp xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
12.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
13.	Xác định khối lượng riêng khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
14.	XĐ KLR; KL thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
15.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
16.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
17.	XĐHL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
18.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
19.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá góc.	TCVN 7572-10:2006
20.	Xác độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
21.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn(Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
22.	XĐ hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
23.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
24.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
25.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
26.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419:2014
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
27.	Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4195:2012
28.	Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
29.	Xác định giới hạn dẻo giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
30.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
31.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; TCVN 4200:12
32.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4199:12; TCVN 4200:12
33.	Xác định đảm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 4200:12 22TCN 333:2006
34.	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
35.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
36.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
37.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8726:2012,
38.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
39.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
40.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
41.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 9028:11;TCVN 3121-8:03

42.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
43.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN9028:2011 TCVN 3121-10:2003
44.	Xác định cường độ bền uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN9028:11; TCVN 3121-11:03
45.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003
46.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN9028:11,TCVN 3121-18:03
THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
47.	Thử kéo, thử uốn kim loại	TCVN 197-1:14, TCVN 198:08, (ISO 6892-1-19; ISO 7438:05)
48.	Kiểm tra chất lượng mối hàn (kim loại) - thử kéo thử uốn cơ tính mối hàn.	TCVN 5401:2010, TCVN 5403:1991; TCVN 5402:2010
49.	Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
50.	Thí nghiệm cơ tính bulông, vít, vít cấy, đai ốc	TCVN 197-1:2014, TCVN 198:2008, TCVN 1916:1995
51.	Cốt thép - phương pháp uốn và uốn lại	TCXD 224:1998
52.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn: Phương pháp siêu âm, phương pháp bột từ, phương pháp thâm thấu,	TCVN 1548:87, TCVN 6735:00, TCVN 4617:88; TCVN 4394:86
53.	Thử áp lực ống	TCVN 1832-2008
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
54.	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011,
55.	PP xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011,
56.	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011,
57.	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
58.	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén.	TCVN 8860-5:2011
59.	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN8-860-6:2011,
60.	Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011,
61.	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
62.	Phương pháp xác định độ rỗng dư, độ rỗng cốt liệu, độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-9:11;TCVN 8860- 10:11; TCVN 8860-11:2011
63.	Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của BTN	TCVN 8860-12:2011
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
64.	Phương pháp xác định độ kim lún, độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7495:2005,
65.	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497 :2005,
66.	XĐ điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005,
67.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nước nóng ở nhiệt độ 163C	TCVN 7499:2005, ASTM D6-00
68.	Xác định khối lượng riêng ở nhiệt độ 25 ⁰ c	TCVN 7501:2005,
69.	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:05, ASTM D3625,
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
70.	Độ dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại	22TCN 02-71,
71.	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
72.	Phương pháp hỗn hợp xung siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012 TCVN 9357:2012
73.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12; TCVN 9358:12
74.	Cọc PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
75.	PP xác định modum biến dạng hiện trường bằng tải ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D12154
76.	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông, khả năng bị ăn mòn cốt thép	TCVN 9356:2012
77.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
78.	PP thử nghiệm xác định modum đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011,
79.	XĐ modum đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben Kelman	TCVN 8867:2011
80.	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396-2012

81.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
82.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
83.	Đo chuyên vị ngang của công trình	TCXD 203:1997
84.	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400:12, TCVN 9360:12, TCVN 9398:12,
85.	Quy trình quan trắc độ nghiêng bằng PP trắc địa	TCVN 9400:2012
86.	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM 4429:09
87.	Trắc địa công trình	TCVN 9398:2012
88.	Khảo sát đo đạc địa hình	TCVN 9398:2012
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY, BLOCK BÊ TÔNG		
89.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16; TCVN6355-1:09
90.	Xác định độ bền nén, uốn	TCVN 6476:12, TCVN 6355-3:09 TCVN 6355-2:09; TCVN 7959:11
91.	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:12, TCVN 6355-4:09 TCVN 7959:11
92.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích.	TCVN 6355-5:2009
93.	Xác định độ rỗng của gạch xây.	TCVN 6355-6:2009
94.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:2012 ,
95.	Các chỉ tiêu cơ lý của Gạch block bê tông, gạch bê tông tự chèn, gạch terrazzo	TCVN 6477:2016, TCVN 6476:2012, TCVN 7744:2009,
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT		
96.	Xác định kích thước hình dạng và chất lượng bề mặt.	TCVN 6415-2:2005
97.	XĐ độ hút nước , độ xốp, khối lượng thể riêng, khối lượng thể tích.	TCVN 6415-3:2005
98.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy.	TCVN 6415-4: 2005
99.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6415-6: 2005 TCVN 6415-7: 2005
100.	- Xác định độ chịu mài mòn của đá ốp lát	TCVN 4732:2016
BÊ TÔNG NHẸ- BLOCK BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP VÀ CHUNG ÁP (ACC)		
101.	Xác định cường độ bền nén, uốn.	TCVN 9029:11, TCVN 9030:11 TCVN 7959:11, TCVN 6476:12, TCVN 7959:2011,
102.	Xác định độ hút nước	TCVN 9029:11, TCVN9030:11 TCVN 7959:11, TCVN 6476:12, TCVN 7959:2011
103.	Xác định khối lượng riêng khối lượng thể tích	TCVN9029:11, TCVN 9030:11 TCVN 7959:11; TCVN 7959:11
104.	Thử nghiệm bê tông nhẹ -gạch bê tông khí chung áp	TCVN 7959:2011
CƠ LÝ BENTONNIT		
105.	XĐ KLR, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo của sét, lực cắt tĩnh, tính ổn định, độ pH	TCVN 9395:2012, TCVN 326:2004,
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA		
106.	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2007
107.	Thử áp suất ống	TCVN 6149:2007
108.	Thử độ chịu nhiệt	ASTM-D 1525; TCVN 6148-1-2:2007
109.	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2014

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.